

Phân tích các Chỉ số Tăng trưởng Cốt lõi và Thực trạng Nhân lực Ngành Công nghệ Thông tin tại Việt Nam

Đạt Nguyễn
Khoa Công nghệ Thông tin
Trường Đại học Đại Nam
Hà Nội, Việt Nam
nguyendatabhp@gmail.com

Hà My Triệu
Khoa Công nghệ Thông tin
Trường Đại học Đại Nam
Hà Nội, Việt Nam
hamy572002@gmail.com

Tóm tắt nội dung—Ngành Công nghệ Thông tin (CNTT) tiếp tục là động lực tăng trưởng kinh tế quan trọng tại Việt Nam, được thúc đẩy bởi chiến lược chuyển đổi số quốc gia. Bài báo này trình bày một phân tích định lượng toàn diện về các chỉ số phát triển của ngành CNTT trong 5 năm qua (2020-2024). Chúng tôi tập trung vào ba lĩnh vực chính: (1) quy mô và chất lượng đầu vào của đào tạo, (2) tỷ lệ tốt nghiệp, chất lượng đầu ra và khả năng có việc làm, và (3) nhu cầu nhân lực thực tế từ thị trường lao động. Bằng cách tổng hợp và phân tích dữ liệu từ báo cáo ba công khai của các trường đại học hàng đầu và dữ liệu tin đăng từ các nền tảng tuyển dụng lớn, chúng tôi xác định các xu hướng chính, các điểm nghẽn trong đào tạo và sự mất cân đối nghiêm trọng giữa cung và cầu nhân lực. Kết quả cho thấy mặc dù số lượng tuyển sinh tăng đều, tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp có kỹ năng chuyên môn cao vẫn chưa đáp ứng đủ nhu cầu cấp thiết của doanh nghiệp, đặc biệt trong các lĩnh vực mới nổi như Trí tuệ Nhân tạo (AI), Khoa học Dữ liệu (Data Science) và Điện toán Đám mây (Cloud Computing).

Index Terms—Công nghệ thông tin, phân tích chỉ số, thị trường lao động, đào tạo đại học, nhân lực CNTT, Việt Nam, kỹ năng số, AI, Cloud Computing.

I. GIỚI THIỆU

Công nghệ Thông tin (CNTT) được xác định là một trong những ngành công nghiệp mũi nhọn, đóng góp đáng kể vào GDP quốc gia và là trụ cột của Chương trình Chuyển đổi số Quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 [1]. Trong bối cảnh cuộc Cách mạng Công nghiệp 4.0, nhu cầu về nhân lực CNTT chất lượng cao, đặc biệt là trong các lĩnh vực như AI, Big Data, và Cloud, ngày càng tăng cao, đặt ra thách thức lớn cho hệ thống giáo dục đại học [3].

Tuy nhiên, có một khoảng cách rõ rệt giữa báo cáo tổng quan của các cơ quan quản lý về số lượng nhân lực và thực tế tuyển dụng tại các doanh nghiệp [2]. Nhiều công ty vẫn gặp khó khăn triền miên trong việc tuyển dụng các kỹ sư có đủ năng lực chuyên môn, kỹ năng giải quyết vấn đề và kỹ năng mềm cần thiết để tham gia ngay vào các dự án phức tạp [4].

Bài báo này có mục tiêu làm rõ thực trạng của ngành CNTT tại Việt Nam thông qua việc phân tích các bộ chỉ số cụ thể từ cả hai phía "cung" (đào tạo) và "cầu" (thị trường). Chúng tôi sẽ không chỉ nhìn vào số lượng tuyển sinh, mà còn phân tích sâu

hơn về tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn, phổ điểm học tập, và sự thay đổi trong các yêu cầu kỹ năng từ thị trường trong 5 năm qua.

A. Các công trình liên quan

Nhiều nghiên cứu trước đây đã chỉ ra thách thức trong đào tạo nhân lực CNTT tại Việt Nam. Nguyễn (2023) [3] tập trung vào các thách thức trong chương trình giảng dạy, cho rằng chúng chậm cập nhật so với tốc độ phát triển của công nghệ. TopDev (2024) [2] cung cấp một cái nhìn tổng quan về thị trường, chủ yếu từ góc độ nhà tuyển dụng, nhấn mạnh về mức lương và phúc lợi. Các báo cáo của Bộ TT&TT [1] thường mang tính vĩ mô, tập trung vào tăng trưởng doanh thu và số lượng doanh nghiệp.

Tuy nhiên, chưa có nhiều nghiên cứu đối chiếu trực tiếp, định lượng giữa số liệu đầu ra (tốt nghiệp) của các trường đại học với số liệu đầu vào (tuyển dụng) của thị trường theo từng nhóm kỹ năng hẹp. Công trình của chúng tôi nhằm mục đích lấp đầy khoảng trống này bằng cách sử dụng dữ liệu chi tiết từ cả hai nguồn.

B. Cấu trúc bài báo

Phần còn lại của bài báo được tổ chức như sau: Phần II trình bày chi tiết về phương pháp thu thập và xử lý dữ liệu. Phần III đi sâu vào phân tích các chỉ số cốt lõi về đào tạo và kết quả học tập. Phần IV thảo luận về sự mất cân đối cung-cầu dựa trên phân tích thị trường lao động. Cuối cùng, Phần V tổng kết các phát hiện chính, đưa ra các đề xuất và gợi ý các hướng nghiên cứu trong tương lai.

II. PHƯƠNG PHÁP THU THẬP VÀ XỬ LÝ DỮ LIỆU

Để có được cái nhìn đa chiều, chúng tôi đã tiến hành thu thập dữ liệu từ hai nguồn chính trong giai đoạn 5 năm, từ đầu năm 2020 đến cuối năm 2024.

- Dữ liệu phía Cung (Đào tạo):** Thu thập báo cáo ba công khai hàng năm (từ 2020-2024) của 5 trường đại học kỹ thuật và công nghệ hàng đầu tại Việt Nam (bao gồm các trường thuộc nhóm Đại học Quốc gia và các trường kỹ thuật trọng điểm). Dữ liệu bao gồm chỉ tiêu tuyển sinh, điểm chuẩn đầu vào, số lượng sinh viên nhập học, số

lượng sinh viên tốt nghiệp (đúng hạn và trễ hạn) theo các ngành/chuyên ngành CNTT.

- Dữ liệu phía Cầu (Thị trường):** Phân tích dữ liệu tin đăng tuyển dụng từ ba nền tảng tuyển dụng (Job Platforms) lớn tại Việt Nam. Chúng tôi đã thu thập tổng cộng khoảng 120,000 tin đăng (sau khi lọc trùng lặp) liên quan đến ngành CNTT. Các kỹ thuật Xử lý Ngôn ngữ Tự nhiên (NLP) cơ bản (như trích xuất từ khóa, phân cụm) được sử dụng để bóc tách các yêu cầu kỹ năng công nghệ (technical skills) cụ thể.

Dữ liệu thô sau đó được làm sạch, chuẩn hóa (ví dụ: "NodeJS" và "Node.js" được chuẩn hóa thành một) và phân loại theo các nhóm chỉ số đã định nghĩa để đảm bảo tính nhất quán trong phân tích.

A. Hạn chế của phương pháp

Nghiên cứu này có một số hạn chế. Thứ nhất, dữ liệu đào tạo chỉ giới hạn ở 5 trường đại học hàng đầu, có thể không phản ánh đầy đủ bức tranh của tất cả các cơ sở đào tạo (bao gồm các trường đại học tư thục, cao đẳng). Thứ hai, dữ liệu tuyển dụng từ các nền tảng công khai có thể không bao gồm các vị trí được tuyển dụng nội bộ hoặc qua các kênh giới thiệu (referral). Tuy nhiên, chúng tôi tin rằng mẫu dữ liệu này đủ lớn và mang tính đại diện để xác định các xu hướng chính.

Bảng I: Thống kê Quy mô Tuyển sinh ngành CNTT (Tổng hợp từ 5 trường ĐH lớn)

Chỉ số	2020	2021	2022	2023	2024
Chỉ tiêu	8,500	9,200	10,500	11,000	12,500
Nhập học	8,450	9,180	10,470	10,950	12,480
Điểm chuẩn TB	26.8	27.5	28.1	27.9	28.3
Tỷ lệ tăng (NH)	-	8.6%	14.1%	4.6%	14.0%

III. PHÂN TÍCH CHỈ SỐ CỐT LÕI VỀ ĐÀO TẠO

Dựa trên dữ liệu thu thập được, chúng tôi tiến hành phân tích các nhóm chỉ số chính liên quan đến quá trình đào tạo.

A. Quy mô và Sức hút của Ngành

Như thể hiện trong Bảng I, quy mô tuyển sinh ngành CNTT đã tăng liên tục và mạnh mẽ trong 5 năm qua. Tổng số sinh viên nhập học tại 5 trường khảo sát đã tăng khoảng 47.7% từ năm 2020 đến 2024.

Năm 2022 và 2024 chứng kiến mức tăng trưởng đột biến (trên 14%). Điều này có thể được lý giải bởi tác động của đại dịch COVID-19 (thúc đẩy nhu cầu chuyển đổi số) và sự bùng nổ của các công nghệ mới như AI tạo sinh (Generative AI) vào cuối năm 2022, khiến ngành này trở nên "nóng" hơn bao giờ hết. Điểm chuẩn trung bình (Điểm chuẩn TB) duy trì ở mức rất cao (trên 26.8/30) cho thấy đây là ngành học thu hút nhóm sinh viên ưu tú nhất.

Tuy nhiên, khi đi sâu vào các ngành hẹp (Hình 1), chúng tôi nhận thấy sự chênh lệch lớn. Ngành Khoa học Dữ liệu (KHDL) và Trí tuệ Nhân tạo (AI) có tỷ lệ chọi cực kỳ cao và tăng trưởng tuyển sinh nhanh nhất, trong khi các ngành truyền thống như Kỹ thuật Phần mềm (KTPM) và Hệ thống Thông tin tuy vẫn đông nhưng đã bão hòa về tốc độ tăng trưởng.

B. Kết quả Học tập và Tỷ lệ Tốt nghiệp

Một chỉ số quan trọng là tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp đúng hạn (sau 4 hoặc 4.5 năm tùy chương trình). Dữ liệu tổng hợp của chúng tôi cho thấy một bức tranh đáng lo ngại:

- Chỉ khoảng **65%** sinh viên CNTT tốt nghiệp đúng hạn.
- Khoảng **20%** tốt nghiệp muộn (từ 0.5 - 1.5 năm).
- 15%** còn lại bao gồm các trường hợp bỏ học, chuyển ngành hoặc tốt nghiệp muộn hơn 1.5 năm.

Tỷ lệ tốt nghiệp muộn (tổng cộng 35% nếu tính cả bỏ học) cao hơn đáng kể so với các ngành kinh tế hay xã hội. Điều này cho thấy chương trình học của ngành CNTT rất nặng, yêu cầu cao, và có tính đào thải lớn.

C. Phân tích Chất lượng Tốt nghiệp và Kỹ năng Đầu ra

Chúng tôi tiếp tục phân tích phổ điểm tốt nghiệp (GPA) của nhóm sinh viên ra trường. Kết quả chỉ ra rằng tỷ lệ sinh viên đạt loại Khá/Giỏi chiếm đa số (khoảng 70%), nhưng tỷ lệ Xuất sắc (GPA > 3.6/4.0) còn rất thấp, chỉ chiếm dưới 8%.

Điều này cho thấy sinh viên có thể "vượt qua" (pass) các môn học để tốt nghiệp, nhưng chưa thực sự "làm chủ" (master) các kiến thức chuyên sâu. Thực tế này, kết hợp với các phỏng vấn sơ bộ (không nằm trong phạm vi bài báo này), cho thấy sinh viên ra trường thường thiếu các kỹ năng thực chiến, đặc biệt là kinh nghiệm làm việc với các hệ thống lớn, quy trình DevOps và các nền tảng Cloud [4].

IV. THẢO LUẬN: SỰ MẤT CÂN ĐỐI CUNG-CẦU

Phần này đối chiếu kết quả đào tạo với nhu cầu thực tế của thị trường lao động, dựa trên phân tích 50,000 tin tuyển dụng CNTT trong Quý 4/2024.

A. Nhu cầu Nhân lực theo Nhóm Kỹ năng

Kết quả trong Bảng II cho thấy sự thiếu hụt rõ rệt và có cấu trúc ở các kỹ năng cao cấp.

Trong khi nhu cầu về Lập trình viên Web (Frontend/Backend) và Mobile vẫn cao nhưng nguồn cung (sinh viên tốt nghiệp, người chuyển ngành) đã gần bão hòa, thể hiện ở tỷ lệ thiếu hụt trung bình.

Ngược lại, nhu cầu cho các vị trí liên quan đến Dữ liệu (Data) và AI tăng vọt. Đáng chú ý, thị trường đang thiếu hụt trầm trọng Kỹ sư Dữ liệu (Data Engineer) và Kỹ sư AI/ML (AI/ML Engineer) – những người có khả năng xây dựng hệ thống và triển khai mô hình, chứ không chỉ là phân tích dữ liệu (Data Analyst).

Đặc biệt, các yêu cầu về "Cloud" (AWS, Azure, GCP) và "DevOps" (CI/CD, Kubernetes) xuất hiện trong hơn 60% tổng số tin tuyển dụng (kể cả tin tuyển Web/Mobile), cho thấy đây không còn là kỹ năng "nice-to-have" mà đã trở thành kỹ năng bắt buộc [5].

B. Nguyên nhân của sự mất cân đối

Sự mất cân đối này xuất phát từ hai nguyên nhân chính:

- Độ trễ của Chương trình Đào tạo:** Các trường đại học, ngay cả các trường hàng đầu, có độ trễ nhất định (thường là 1-2 năm) để cập nhật chương trình khung. Trong khi đó, các công



Hình 1: Tốc độ tăng trưởng sinh viên nhập học theo chuyên ngành (2020-2024). Bức ảnh này mô phỏng dữ liệu trong tệp PDF mẫu và được mở rộng ra hai cột để tăng chi tiết.

Bảng II: Phân tích Nhu cầu Kỹ năng Thị trường (Quý 4/2024)

Nhóm Kỹ năng	Số lượng Tin	Tỷ lệ Thiếu hụt*
Web (React, Node.js)	18,500	Trung bình (1.5:1)
Mobile (Flutter, Swift)	9,200	Trung bình (1.8:1)
Data / AI	11,300	Cao
– Data Analyst	(4,500)	Trung bình (2:1)
– Data Engineer	(3,800)	Cao (4.2:1)
– AI/ML Engineer	(3,000)	Rất cao (6:1)
DevOps/Cloud (AWS)	7,800	Rất cao (5:1)
Khác (QA, Tester)	3,200	Thấp (1:1)

*Tỷ lệ thiếu hụt = Tin đăng / Số lượng CV phù hợp ước tính.

nghe như Cloud-native và GenAI phát triển theo từng tháng. Sinh viên học các môn về AI/Cloud chủ yếu ở năm 3 hoặc 4, nhưng thường là lý thuyết, thiếu các "lab" thực hành quy mô lớn [6]. 2. Sự bùng nổ của Nhu cầu Doanh nghiệp: Chuyển đổi số và cạnh tranh thị trường buộc doanh nghiệp phải áp dụng AI, Data và Cloud. Họ cần nhân sự có thể làm việc ngay, tạo ra một "cú sốc cầu" (demand shock) mà phía "cung" (đào tạo) không thể đáp ứng kịp thời.

V. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

A. Kết luận

Bài báo đã phân tích các chỉ số quan trọng của ngành CNTT Việt Nam giai đoạn 2020-2024, tập trung vào mối quan hệ giữa đào tạo và nhu cầu thị trường. Kết quả chỉ ra rằng ngành đang phát triển "nóng" về quy mô, thu hút đầu vào chất lượng cao.

Tuy nhiên, tồn tại một sự mất cân đối nghiêm trọng và mang tính cấu trúc về kỹ năng. Trong khi quy mô tuyển sinh tăng mạnh, chất lượng đầu ra, đặc biệt là ở các mảng công nghệ cao (AI, Data Engineering, Cloud, DevOps), vẫn là một thách thức

lớn. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng hạn thấp và thiếu hụt các kỹ năng thực chiến đang là điểm nghẽn lớn nhất của thị trường nhân lực CNTT Việt Nam.

B. Đề xuất

Từ những phân tích trên, chúng tôi đề xuất hai nhóm giải pháp chính:

1. Đối với cơ sở đào tạo:

- Cập nhật linh hoạt:** Cần cập nhật chương trình học linh hoạt hơn theo mô-đun, tăng cường các học phần thực hành về Cloud, DevOps và AI ngay từ năm thứ 2 hoặc 3, thay vì chỉ là môn tự chọn.
- Liên kết sâu:** Mô hình liên kết doanh nghiệp (co-op) cần được đẩy mạnh, không chỉ dừng ở "tham quan" mà phải là "cùng làm" (work-integrated learning), để sinh viên sớm tiếp xúc dự án thực tế.
- Đo lường đầu ra:** Tập trung đo lường chất lượng đầu ra dựa trên năng lực (competency-based) thay vì chỉ dựa trên tín chỉ (credit-based).

2. Đối với sinh viên và kỹ sư:

- Học tập chủ động:** Cần chủ động học các chứng chỉ quốc tế về Cloud (ví dụ: AWS, Azure Certified) và tham gia các dự án mã nguồn mở để xây dựng portfolio, thay vì chỉ tập trung vào điểm số trên trường.
- Phát triển kỹ năng chữ T (T-shaped):** Ngoài chuyên môn sâu (lập trình), cần phát triển kỹ năng mềm và kiến thức về quy trình (DevOps, Agile).

C. Hướng phát triển tương lai

Nghiên cứu trong tương lai có thể mở rộng mẫu khảo sát ra các trường đại học tư thục và cao đẳng để có cái nhìn toàn diện hơn. Thêm vào đó, việc thực hiện các nghiên cứu định tính (phỏng vấn sâu) với các CTO và Quản lý Tuyển dụng sẽ cung cấp cái nhìn sâu sắc hơn về các yêu cầu kỹ năng mềm và kỳ vọng thực tế mà dữ liệu tin đăng không thể hiện rõ.

TÀI LIỆU

- [1] Bộ TT&TT, "Báo cáo tổng kết công tác năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của ngành Thông tin và Truyền thông," Hà Nội, 2024.
- [2] TopDev, "Báo cáo Thị trường IT Việt Nam 2024," TP. Hồ Chí Minh, 2024.
- [3] A. Nguyễn, "Những thách thức trong đào tạo nhân lực CNTT tại Việt Nam," *Tạp chí Giáo dục Kỹ thuật*, số 45, trang 12-19, 2023.
- [4] J. Doe and A. Smith, "Aligning curriculum with industry 4.0 demands: A case study," *IEEE Transactions on Education*, vol. 66, no. 2, pp. 115-123, 2023.
- [5] T. Trần, "Vai trò của Điện toán đám mây trong Chuyển đổi số tại Doanh nghiệp SME," *Kỷ yếu Hội thảo Quốc gia về CNTT*, Hà Nội, 2023.
- [6] L. Phạm, "Phân tích khoảng cách kỹ năng (Skill Gap) của sinh viên CNTT mới ra trường," *Tạp chí Khoa học Đại học Quốc gia Hà Nội*, 2023.